TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 26-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Ông Đoàn Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST- HS, ngày 22 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Xuân B, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1987, tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn VĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân H1 và bà Nguyễn Thị H2; bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án có 02 tiền án: Tại bản án số 114/2013/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt bị cáo 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích", thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án; tại bản án số 64/2016/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tổng hợp với hình phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 114/2013/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, bị cáo phải chấp hành hình

phạt chung là 03 (năm) 09 (chín) tháng tù; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14 tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 10 năm 2019 chuyển tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 00 phút ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại quán nước của chị Khổng Thị H, sinh năm 1973, ở thôn 2, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng, tổ công tác Công an huyện VB kiểm tra hành chính, thu giữ trong mũ của Trần Xuân B đang đội 02 gói giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng, nghi là ma túy (mẫu vật được niêm phong ký hiệu là M1); 01 mũ phớt, 01 xe mô tô Cub 50, biển kiểm soát 16H5 -3659 .

Tại bản Kết luận giám định số 543/KLGĐ (Đ6), ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu M1 gửi giám định là ma tuý, có khối lượng 0,1119gam, là loại: Heroine.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân B khai nhận: Do nghiện ma túy nên khoảng 11 giờ ngày 14 tháng 10 năm 2019 bị cáo đến nhà Lê Hoàng Tuyến, sinh năm 1988 trú tại thôn Đ, xã TT, huyện TT, tỉnh Thái Bình nhờ T chở sang huyện Vĩnh Bảo với mục đích mua ma túy về sử dụng, bị cáo không nói mục đích mua ma túy cho T biết, T dùng xe máy biển kiểm soát 16H5 -3659 của mình chở bị cáo B sang huyện Vĩnh Bảo, khi đến cổng Bệnh viện đa khoa Nam Am huyện Vĩnh Bảo, bị cáo bảo T dừng xe đợi, bị cáo Bình đi đến gặp một người đàn ông không quen biết và mua của người này 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) ma túy được 02 gói ma tuý, rồi cất vào mũ phớt, sau đó đi về quán nước xã TC uống nước thì bị Cơ quan Công an huyện Vĩnh Bảo bắt giữ như nội dung ở trên.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố bị cáo Trần Xuân B về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Xuân B từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh, khung hình phạt:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người chứng kiến vụ việc, biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 12 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 10 năm 2019, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa nên đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 14 tháng 10 năm 2019, bị cáo Trần Xuân B đã tàng trữ 0,1119gam Heroine với mục đích để sử dụng thì bị bắt giữ quả tàng. Do đó hành vi của của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Trần Xuân B có 02 tiền án: Tại Bản án số 114/2013/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt bị cáo 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích", thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án, tại bản án số 64/2016/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tổng hợp với hình phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 114/2013/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù, những tiền án này đều chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xác định là tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến độc quyền quản lý Nhà nước về chất gây nghiện, tội phạm bị cáo thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn. Nên cần xử phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tính giáo dục và phòng

ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy đinh tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, là người nghiện ma túy nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết tăng nặng đinh khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm, nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự là nghiêm trị người tái phạm nguy hiểm. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có phần nhẹ, chưa đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung. Nên cần xử phạt bị cáo trên mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 phong bì niêm phong số 543/KLGĐ (Đ6), ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận bên trong chứa chất ma túy được hoàn lại sau giám định và vỏ bao bì của mẫu vật; 01 (một) chiếc mũ phớt màu đen bị cáo dùng để cất giấu ma túy nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16 H5 – 3659 Lê Hoàng T chở bị cáo Trần Xuân B, do chưa xác định được các chủ sở hữu qua các lần mua bán, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau, Hội đồng xét xử không xét.

[10] Trong vụ án có đối tượng Lê Hoàng T, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã TT, huyện TT, tỉnh Thái Bình là người chở bị cáo Trần Xuân B sang huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Nhưng bị cáo B không nói với T mục đích bị cáo sang huyện Vĩnh Bảo là mua ma túy về sử dụng, khi bị cáo giao dịch mua ma túy, T cũng không biết, không chứng kiến. Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo không xử lý trách nhiệm đối với T là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Xuân B 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 14 tháng 10 năm 2019).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư đã được niêm phong số 543/2019/PC09, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng; 01 (một) mũ phớt màu đen.

(Đặc điểm chi tiết tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng, ngày 03 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Xuân B phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng PV27 CATP;
- Sở Tư pháp;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Nhà tạm giữ CA H. Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS H. Vĩnh Bảo;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt